

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 8 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Ngọc Điệp;
- Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Diệp Ngọc Dinh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị Ngọc R, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Số B, Đường số C, khu dân cư H, Tổ H, Khu K, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Số B, đường số C, Khu dân cư H, Tổ H, Khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc R trình bày:

Bà Châu Thị Ngọc R và bị đơn ông Trần Thanh T tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 22/6/2018 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng khoảng hai năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hai vợ chồng không nói chuyện với nhau. Ông T không có công việc ổn định, không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con, mọi chuyện lớn nhỏ, con cái, kinh tế trong gia đình đều do một mình bà R gánh vác, lo toan. Tuy hiện nay hai vợ chồng

sống cùng nhà nhưng đã ly thân mỗi người ở một phòng và không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện cho nhau cơ hội nhưng không đoàn tụ được. Do đó, bà R xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Thanh T.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thăng Vượng P, sinh ngày 18/5/2019. Sau khi ly hôn, bà R yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thăng Vượng P và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Vì từ nhỏ đến lớn con đều do một mình bà R chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay bà R làm Tổng giám đốc điều hành Công ty Cổ phần K từ cuối năm 2020, lương thu nhập hàng tháng khoảng 60 triệu đồng nên xác định có đầy đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dạy con vì vậy không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: *Căn cước công dân; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh; Chứng nhận sổ nhà; Hợp đồng lao động; Xác nhận việc làm, thu nhập.*

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp bản tự khai hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

+ Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc R khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con đôi với bị đơn ông Trần Thanh T hiện cư trú tại địa chỉ: Số B, đường số C, Khu dân cư H, Tổ H, Khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Ngọc R và ông Trần Thanh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 22/6/2018 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo trình bày của bà Châu Thị Ngọc R, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng khoảng hai năm nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hai vợ chồng không nói chuyện với nhau. Ông T không có công việc ổn định, không quan tâm, chăm sóc gia đình vợ con, mọi chuyện lớn nhỏ, con cái, kinh tế trong gia đình đều do một mình bà R gánh vác, lo toan nên hai vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện cho nhau cơ hội nhưng không đoàn tụ được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập T nhiều lần để tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T không đến Tòa án.

[2.3] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc và dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng kéo dài. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai hay bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cho thấy ông T không quan tâm và không mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ để xây dựng gia đình cùng nhau chăm sóc con cái. Do đó, lời trình bày cũng như yêu cầu về việc ly hôn của bà R là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về con chung: Bà R yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thăng Vượng P, sinh ngày 18/5/2019. Xét thấy, cháu P còn nhỏ, đang trong độ tuổi phát triển về cả tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc và dạy dỗ của người mẹ. Hiện nay cháu đang sống chung với bà R và từ trước đến nay cũng do một bà R là người trực tiếp chăm sóc. Ngoài ra, bà R đang làm Tổng giám đốc Công ty cổ phần K thu nhập hàng tháng khoảng 60.000.000 đồng là mức thu nhập đảm bảo và có chỗ ở cố định. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ giao cho bà R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thăng Vượng P, sinh ngày 18/5/2019.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng bà R tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà R nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc R.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Ngọc R đối với bị đơn ông Trần Thanh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Ngọc R được ly hôn với ông Trần Thanh T.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, giao bà Châu Thị Ngọc R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thăng Vượng P, sinh ngày 18/5/2019.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Châu Thị Ngọc R không yêu cầu ông Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Châu Thị Ngọc R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002418 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND P. phường An Lạc 3, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cảnh Khang